

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ ASEAN
Số 239, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng
TP. Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.688.425.757.656	526.693.528.938
I. Nợ ngắn hạn	310		1.688.425.757.656	526.693.528.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		831.760.903	3.594.619.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	33.476.400.000	10.017.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	235.051.863	280.023.818
4. Phải trả người lao động	314		898.081.628	629.872.562
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		55.672.360	55.672.360
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.652.312.355.815	511.515.905.289
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	596.350.000	596.350.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.085.087	4.085.087
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211.243.174.994	206.863.551.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	211.243.174.994	206.863.551.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		206.000.000.000	206.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		206.000.000.000	206.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.332.685.748	4.332.685.748
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.606.312.413	2.606.312.413
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.325.090.442	4.325.090.442
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.020.913.609)	(10.400.537.553)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.400.537.553)	(14.291.240.745)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.379.623.944	3.890.703.192
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.899.668.932.650	733.557.079.988


Lý Tiên Mạnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2021


Nguyễn Thị Tú Quyên
Kế toán trưởng




Trần Văn Đăng
Quyền Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.781.946.998.243	614.709.827.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.823.314.486	7.483.391.522
1. Tiền	111		14.823.314.486	7.483.391.522
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		536.991.345.866	500.160.974.900
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	501.494.985	501.494.985
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(341.491.585)	(340.520.085)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	536.831.342.466	500.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.139.871.817.781	15.157.180.717
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		983.560.165	220.748.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	0		282.186.952	138.052.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.096.626.125.000	2.426.125.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	49.097.890.804	19.490.200.357
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.117.945.140)	(7.117.945.140)
IV. Hàng tồn kho	140	10	83.427.181.558	89.964.042.581
1. Hàng tồn kho	141		83.427.181.558	89.964.042.581
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.833.338.552	1.944.237.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	1.192.979.405	303.878.511
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	19	1.640.359.147	1.640.359.147
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.721.934.407	118.847.252.610
I. Tài sản cố định	220		34.128.294.335	35.191.152.773
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.869.403.164	17.893.261.602
- Nguyên giá	222		43.166.293.669	42.975.434.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.296.890.505)	(25.082.172.636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.258.891.171	17.297.891.171
- Nguyên giá	228		17.719.737.421	17.719.737.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(460.846.250)	(421.846.250)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	30.242.348.901	30.385.309.701
- Nguyên giá	231		31.233.797.701	31.233.797.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(991.448.800)	(848.488.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	11.252.915.610	12.944.947.927
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.252.915.610	12.944.947.927
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	40.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		40.000.000.000	40.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.098.375.561	325.842.209
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.098.375.561	325.842.209
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.899.668.932.650	733.557.079.988

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

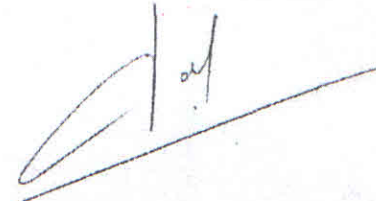
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ ASEAN
Số 239, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng
TP. Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

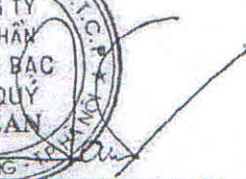
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.391.419.754.951	956.731.129.168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	1.391.419.754.951	956.727.129.168
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	1.364.156.618.694	936.642.493.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27.263.136.257	20.084.635.561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	378.581.704	3.748.170.262
7. Chi phí tài chính	22	26	251.003.193	52.021.480
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		246.684.931	52.500.000
8. Chi phí bán hàng	25	27	17.702.454.517	14.587.890.563
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.340.119.161	5.821.665.804
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		4.348.141.090	3.371.227.976
11. Thu nhập khác	31		31.495.622	620.024.278
12. Chi phí khác	32		12.768	100.549.062
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		31.482.854	519.475.216
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.379.623.944	3.890.703.192
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.379.623.944	3.890.703.192
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30	213	189


Lý Tiến Mạnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2021


Nguyễn Thị Tú Quyên
Kế toán trưởng




Trần Văn Đăng
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này